TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2018
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Danh Đảnh

2/ Ông Trương Thanh Giảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương: không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tố L – sinh năm 1976, có mặt

Địa chỉ: Tổ 3, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn N – sinh năm 1973, có mặt

Địa chỉ: Tổ 3, ấp C, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2018 và các lời khai tại Toà nguyên đơn bà Phan Thị Tố L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông N chung sống với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông N rất nhiều lần chửi bà và nói những lời hết sức khó nghe, ông N đánh bà nên bà L quyết định ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 người con chung tên Dương Hữu T – sinh ngày 02/12/1995 và Dương Thị Thúy D – sinh ngày 30/7/1998. Do hai con không được bình thường, bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên cần người nuôi dưỡng các con.

Nay bà L yêu cầu mỗi người nuôi dưỡng một đứa con, bà L yêu cầu nuôi con tên Dương Thị Thúy D, giao con tên Dương Hữu T cho ông N nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo ý kiến bị đơn ông Dương Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Ông N thừa nhận lời trình bày của bà L về hôn nhân là đúng sự thật. Nay ông N không muốn ly hôn với bà L vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: có 02 người con chung tên Dương Hữu T – sinh ngày 02/12/1995 và Dương Thị Thúy D – sinh ngày 30/7/1998. Do hai con không được bình thường, bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên cần cha hoặc mẹ nuôi dưỡng các con.

Ông N yêu cầu nuôi dưỡng hai con và yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện xin ly hôn và xin được nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Tố L và ông Dương Văn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng bà L ông N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông N là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

...".

Tại phiên tòa bà L có yêu cầu ly hôn với ông N nhưng do quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N không có giá trị pháp lý nên HĐXX không xem xét. HĐXX xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Luật hôn nhân gia đình để xem xét không công nhận quan hệ giữa bà L và ông N là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 02 người con chung tên Dương Hữu T – sinh ngày

02/12/1995 và Dương Thị Thúy D – sinh ngày 30/7/1998. Do cháu T, cháu D bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên cần người nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà L, ông N có thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng con tên Dương Thị Thúy D và giao cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng con tên Dương Hữu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí HNGĐ-ST được giải quyết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị Tố L và ông Dương Văn N là vợ chồng.

Về con chung: có 02 người con chung tên Dương Hữu T – sinh ngày 02/12/1995 và Dương Thị Thúy D – sinh ngày 30/7/1998. Do cháu T, cháu D bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên cần người nuôi dưỡng. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà L, ông N như sau:

Giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng con tên Dương Thị Thúy D và giao cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng con tên Dương Hữu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con của các đương sự.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Bà Phan Thị Tố L phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng, được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001926 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Bà L, ông N có mặt có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THADS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Mai